

Bản án số: 23/2021/HS-ST
Ngày 14-12-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LỘ, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đàn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Vũ Minh
2. Ông Phạm Văn Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Thùy Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Cam Lộ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ tham gia phiên toà: Ông Trần Nhật Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Cam Lộ, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2021/TLST - HS ngày 24 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST - HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 đối với các bị cáo:

- Nguyễn Ngọc B, tên gọi khác: Đ; sinh ngày 30/4/1990 tại Quảng Trị; nơi cư trú: khu phố B, phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: không nghề; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc A và bà Trần Thị G; có vợ (đã ly hôn) và 01 con sinh năm 2011; tiền án: 01: Ngày 19/4/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt 27 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 20/01/2020; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Trị (trong vụ án khác), có mặt.

- Lê Đức T, tên gọi khác: C; sinh ngày 13/10/1990 tại Quảng Trị; nơi cư trú: Khu phố S, phường N, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Quang H và bà Nguyễn Thị A; chưa có vợ, con; tiền án: 02: Ngày 15/6/2011 bị Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/12/2015; ngày 24/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, chấp hành xong án phạt tù ngày 01/9/2020; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện R, tỉnh Quảng Trị (trong vụ án khác), có mặt.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Ngọc B: Bà Lê Thị H - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Trị; có mặt.

Bị hại: Anh Nguyễn T, sinh năm 1988, trú tại thôn B, xã C, huyện L, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

Người làm chứng:

+ Anh Vũ Đ, sinh năm 1989, trú tại khu phố S, Phường M, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn V, sinh năm 1997, trú tại khu phố P, phường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 01/6/2021, Nguyễn Ngọc B gọi taxi đi từ huyện H về thành phố Đ, khi đến gần thị trấn C, huyện L, B bảo tài xế taxi (anh Nguyễn V) chở B khu vực C để tìm gặp Trần Thanh L. Đến khu vực C, B gặp chị Nguyễn Thị D và hỏi nhà L. Chị D tưởng B tìm gặp anh Trương Văn L người cùng thôn nên dẫn đường B đến trước nhà anh L rồi đi về.

B đi vào sân nhà và gọi L nhưng không có ai trả lời, quan sát thấy phía trước sân nhà có một mô tô Yamaha, biển kiểm soát 74G1-053.83 (xe của anh Nguyễn T), trên xe có cắm sẵn chìa khóa nên nảy sinh ý định lấy trộm. B trở ra bảo anh V chạy xe ra ngã ba đọi. B trở vào sân nhà tiếp tục quan sát, thấy không có ai, liền dắt xe mô tô Yamaha ra phía trước cổng, nổ máy điều khiển xe về thành phố Đ. Trên đường về, B gọi điện thoại bảo anh V chạy xe về Đ sẽ trả tiền, đồng thời gọi điện thoại cho Lê Đức T và nói đang chạy một chiếc xe trên khu vực C về nhờ T bán. T hỏi xe gì thì B nói xe Exciter 135. Do trước đây đã nhiều lần cùng nhau trộm cắp tài sản của người khác đem bán nên T biết xe đó B lấy trộm. T bảo B đưa xe về đường M, thành phố Đ gặp T. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, B về đến và giao xe cho T. T chạy xe này đến quán của anh Vũ Ngọc Đ để cắt tóc. T hỏi anh Đ biết chỗ nào cầm xe không, anh Đ nói biết và hỏi T là xe nào, của ai thì T chỉ vào xe mô tô Yamaha Exciter 135 biển kiểm soát 74G1-053.83 và nói xe của một người bạn nhờ cầm giúp. T nhờ anh Đ đi cầm, anh Đ đồng ý. Đ gọi điện thoại cho một người tên thường gọi là “A” ở Phường N, thành phố Đ hỏi cầm xe thì được người này bảo đưa xe đến xem, sau đó xe được cầm với giá là 5.000.000 đồng. Anh Đ đưa toàn bộ số tiền cầm xe cho T. T cho anh Đ 700.000 đồng và nói cảm ơn vì cầm xe được giá cao. T đi về gặp B. T nói dối là bán xe được 3.000.000 đồng rồi đưa cho B 2.000.000 đồng, nạp thẻ game cho B 500.000 đồng, số tiền còn lại 1.800.000 đồng T chiếm giữ. B gặp và trả cho anh V 1.000.000 đồng tiền thuê xe taxi, còn lại tiêu xài hết.

Tại bản kết luận định giá số tài sản số 23/KL-ĐGTS ngày 10/9/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Cam Lộ kết luận xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter 135 có giá trị là 12.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSCL ngày 24/11/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lộ truy tố Nguyễn Ngọc B tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; Lê Đức T tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo điểm đ khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc B phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Lê Đức T phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;
- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc B từ 24 đến 30 tháng tù;
- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lê Đức T từ 36 đến 42 tháng tù;
- Buộc Nguyễn Ngọc B và Lê Đức T liên đới bồi thường cho anh Nguyễn Bình Thuận 12.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng;
- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 02 điện thoại di động của Nguyễn Ngọc B và Lê Đức T (hiện bị tạm giữ trong vụ án khác);
- Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Ngọc B: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, Nguyễn Ngọc B, Lê Đức T khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện, nội dung lời khai phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có căn cứ khẳng định, ngày 01/6/2021, Nguyễn Ngọc B lén lút chiếm đoạt của anh Nguyễn T xe mô tô Yamaha Exciter 135, biển kiểm soát 74G1-053.83, chiếc xe có trị giá 12.000.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Ngọc B cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Lê Đức T biết rõ xe mô tô Yamaha Exciter 135, biển kiểm soát 74G1-053.83 là tài sản do Nguyễn Ngọc B trộm cắp mà có nhưng vẫn đưa bán cho người khác và hưởng lợi. Hành vi của Lê Đức T cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 2 Điều 323 Bộ luật Hình sự với tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm đ) “Tái phạm nguy hiểm” bởi bị cáo đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

[2] Hành vi phạm tội của Nguyễn Ngọc B xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của người khác, gây tâm lý lo lắng, bất an cho người dân trong việc quản lý tài sản, làm mất trật tự trị an trên địa bàn. B đã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Hành vi phạm tội của Lê Đức T xâm hại đến trật tự công cộng, tạo điều kiện khuyến khích người khác phạm tội. Cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc. Tuy nhiên thấy rằng các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, bị cáo B thuộc diện hộ cận nghèo, bố của T được tặng nhiều bằng khen nên khi quyết định hình phạt cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, đảm bảo tính răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Xe mô tô Yamaha, biển kiểm soát 74G1-053.83 của anh Nguyễn T bị Nguyễn Ngọc B trộm cắp và bị Lê Đức T mang đi tiêu thụ nay không truy tìm được, xe được định giá 12.000.000 đồng. Anh Nguyễn T yêu cầu B, T bồi thường 12.000.000 đồng, các bị cáo đồng ý bồi thường nhưng chưa bồi thường được. Căn cứ Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc các bị cáo liên đới bồi thường cho anh Thuận, mỗi bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng.

[4] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung là của Nguyễn Ngọc B, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước điện thoại (hiện đang tạm giữ trong vụ án khác);

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia là của Lê Đức T, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước điện thoại (hiện đang tạm giữ trong vụ án khác).

[5] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì.

[6] Án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Ngọc B** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”, **Lê Đức T** phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Ngọc B 24 tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án;

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt Lê Đức T 42 tháng tù; thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; .

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự:

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màu đồng (Cơ quan CSĐT Công an thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị tạm giữ trong vụ án khác, hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị);

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu xanh đen (Cơ quan CSĐT Công an huyện R, tỉnh Quảng Trị tạm giữ trong vụ án khác, hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Quảng Trị);

Áp dụng Điều 584, 587, 589 Bộ luật Dân sự buộc Nguyễn Ngọc B, Lê Đức T liên đới bồi thường cho anh Nguyễn T 12.000.000 đồng, mỗi bị cáo bồi thường 6.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải

thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Nguyễn Ngọc B, Lê Đức T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người bào chữa trong vụ án được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, trường hợp vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại;
- VKSND huyện Cam Lộ;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- Công an huyện Cam Lộ;
- Chi cục THADS huyện Cam Lộ;
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Đàn